SONADEZI COLLEGE

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ SONADEZI

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ KHÓA 14

Năm học: 2018-2019 Học kỳ: 02

Ghi chú: Tuần 20 học kỳ 02 năm học 2018-2019 bắt đầu từ ngày 14/01/2019

LỚP	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
K14MM (SS: 54)	TH. Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Nguyễn Thị Lam Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Nguyễn Thị Lam TH. Kỹ thuật may 1 (4 TC) Đinh Thị Thanh Lương	TH. Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Nguyễn Thị Lam Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Nguyễn Thị Lam TH. Kỹ thuật may 1 (4 TC) Đinh Thị Thanh Lương	Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ	Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Phan Thùy Dương TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Phạm Mạnh Cương TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Dương Thanh Tú	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	TH. Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Trần Thị Anh Đào Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Trần Thị Anh Đào TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ TH. Kỹ thuật may 1 (4 TC) Lương Thị Hương Thảo	TH. Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Trần Thị Anh Đào Thiết kế, nhảy size áo căn bản - CN May (4 TC) Trần Thị Anh Đào TH. Tài liệu kỹ thuật - CN May (4 TC) Trương Thị Nhật Lệ TH. Kỹ thuật may 1 (4 TC) Lương Thị Hương Thảo		

LỚP	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
K14DG1 (SS: 44)	Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh	TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn	TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	Nguyên vật liệu - CN Giày (2 TC) Bạch Văn Lành	TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật TH. Kỹ thuật gò ráp - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Kỹ thuật may - CN Giày (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật TH. Kỹ thuật gò ráp - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Kỹ thuật chặt - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Nguyễn Thanh Quang	TH. Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành	TH. Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành

LỚP	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
K14DG2 (SS: 43)	Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật TH. Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình TH. Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật	Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật TH. Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Ngô Ngọc Cẩm	Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Kỹ thuật gò ráp - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	Nguyên vật liệu - CN Giày (2 TC) Bạch Văn Lành	TH. Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật Định mức đơn hàng - CN Giày (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn TH. Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Nguyễn Quang Phú TH. Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành	TH. Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành TH. Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật	TH. Kỹ thuật may - CN Giay (4 TC) Trần Quốc Toàn Thiết kế Giày 1 (4 TC) Bạch Văn Lành TH. Kỹ thuật chặt - CN Giay (2 TC) Trương Văn Nhật
K14QTKD (SS: 78)	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh Tin học văn phòng 2 (2 TC) Nguyễn Quang Phú	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Kinh tế học (3 TC) Nguyễn Hải Sơn, Phạm Quốc Phong	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	Lý thuyết tài chính tiền tệ (2 TC) ThS. Nguyễn Thế Lộc	Nguyên lý thống kê (2 TC)		Xác suất thống kê và Quy hoạch tuyến tính (2 TC) ThS. Nguyễn Đức Ánh	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Dương Thanh Tú Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Nguyễn Thanh Quang	Xác suất thống kê và Quy hoạch tuyến tính (2 TC) ThS. Nguyễn Đức Ánh		

LỚP	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
K14QTKS (SS: 34)	Tổng quan du lịch và khách sạn (2 TC) Nguyễn Vũ Khanh	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	Kinh tế học (3 TC) Nguyễn Hải Sơn, Phạm Quốc Phong	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (2 TC) Nguyễn Vũ Khanh		Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Dương Thanh Tú		Nghiệp vụ lễ tân (2 TC) Nguyễn Thị Thanh Nhân	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn		
K14KT (SS: 24)	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Phạm Mạnh Cương	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	Kinh tế học (3 TC) Nguyễn Hải Sơn, Phạm Quốc Phong	Lý thuyết tài chính tiền tệ (2 TC) ThS. Nguyễn Thế Lộc		Kế toán tài chính doanh nghiệp 1 (2 TC) Vũ Ngọc Thanh Hà	Xác suất thống kê và Quy hoạch tuyến tính (2 TC) ThS. Nguyễn Đức Ánh	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Nguyễn Thanh Quang	Xác suất thống kê và Quy hoạch tuyến tính (2 TC) ThS. Nguyễn Đức Ánh		
K14AV1 (SS: 26)	Nghe 2 (2 TC) Phan Thùy Dương	Nói 2 (3 TC) Trần Thanh Tú	TH. Ngữ âm 2 (1 TC) Trần Thanh Tú	Đọc 2 (3 TC) Nguyễn Hữu Thuận	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Ngữ pháp 2 (2 TC) Phan Phương Đức	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Phạm Mạnh Cương	Viết 2 (2 TC) Nguyễn Hữu Thuận	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn		
K14AV2 (SS: 26)	Nghe 2 (2 TC) Phan Thùy Dương TH. Ngữ âm 2 (1 TC) Trần Thanh Tú		Đọc 2 (3 TC) Nguyễn Hữu Thuận	Nói 2 (3 TC) Phan Thùy Dương	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Ngữ pháp 2 (2 TC) Phan Phương Đức	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Phạm Mạnh Cương	Viết 2 (2 TC) Nguyễn Hữu Thuận	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn		

LỚP	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
K14HV1 (SS: 41)	Đọc – Viết 2 (5 TC) ThS. Lê Ngọc Sang			Luật thương mại (2 TC) ThS. Huỳnh Thị Như Hiếu	Nói 2 (3 TC) Phùng Kim Nga	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Kinh tế học (3 TC) Phạm Quốc Phong	Đọc – Viết 2 (5 TC) ThS. Lê Ngọc Sang	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Tin học văn phòng 2 (2 TC) Đinh Anh Tuấn	Nghe 2 (2 TC) ThS. Trần Thị Thu Trúc
K14HV2 (SS: 44)	Nói 2 (3 TC) Phùng Kim Nga	Đọc – Viết 2 (5 TC) ThS. Lê Ngọc Sang	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Nguyễn Quang Phú	Luật thương mại (2 TC) ThS. Huỳnh Thị Như Hiếu	Đọc – Viết 2 (5 TC) ThS. Lê Ngọc Sang	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Kinh tế học (3 TC) Phạm Quốc Phong		TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Nghe 2 (2 TC) ThS. Trần Thị Thu Trúc	
K14NV1 (SS: 41)	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	Đọc 2 (2 TC) Võ Chí Trung	Viết 2 (2 TC)		Nói 2 (2 TC) Phạm Vũ Huyền Trang	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Hán tự 2 (2 TC)	Kinh tế học (3 TC) Phạm Quốc Phong	TH. Ngữ âm 2 (1 TC) Phạm Vũ Huyền Trang	Nghe 2 (2 TC) Phạm Vũ Huyền Trang		Tin học văn phòng 2 (2 TC) Nguyễn Quang Phú
K14NV2 (SS: 45)	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Nghe 2 (2 TC) Phạm Vũ Huyền Trang	Viết 2 (2 TC)	Nói 2 (2 TC) Phạm Vũ Huyền Trang	Đọc 2 (2 TC) Võ Chí Trung	TH. Ngữ âm 2 (1 TC) Phạm Vũ Huyền Trang	Kinh tế học (3 TC) Phạm Quốc Phong	Hán tự 2 (2 TC) Võ Chí Trung	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn		Tin học văn phòng 2 (2 TC) Phạm Mạnh Cương
K14CNTT (SS: 32)	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Nguyễn Thanh Quang	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Mạng máy tính (3 TC) Huỳnh Phước Danh		Cơ sở dữ liệu (3 TC) Nguyễn Quang Phú		Thiết kế Web (2 TC) Nguyễn Quang Phú	TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh		Lập trình hướng đối tượng (3 TC) Phạm Mạnh Cương	
K14XD (SS: 15)	Tiếng Anh A2.1 (3 TC) Nguyễn Thanh Quang	Chính trị 1 (3 TC) Nguyễn Danh Tuấn	Cấu tạo kiến trúc (2 TC)		TH. Giáo dục Thể chất 1 (0 TC) Đặng Tiểu Bình		Trắc địa và thực tập (3 TC)	Trắc địa và thực tập (3 TC)	Tin học văn phòng 2 (2 TC) Huỳnh Phước Danh		Cơ học kết cấu (3 TC) Hoàng Văn Tạo	Vật liệu xây dựng và thí nghiệm (3 TC) Ngô Phi Minh

LẬP BẢNG	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ KHẢO THÍ	*Ngày 02 tháng 01 năm 2019* BAN GIÁM HIỆU DUYỆT
Phạm Quang Duy	Nguyễn Cao Quang Nhật	ThS. Lưu Phước Dũng